

Số: 12/2022/QĐST-DS

Hàm Thuận Nam, ngày 05 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 17/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Trần Trí X, sinh năm 1955.

Địa chỉ: thôn Minh T, xã H, huyện N, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: bà Bùi Thị T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: thôn M, xã H, huyện N, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ ông Dương Văn N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: thôn M, xã H, huyện N, tỉnh Bình Thuận.

+ bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1960.

Địa chỉ: thôn M, xã H, huyện N, tỉnh Bình Thuận.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Bùi Thị T đồng ý trả số tiền 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng nợ gốc cho ông Trần Trí X và bà Nguyễn Thị V; phương thức trả nợ: mỗi tháng trả 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, bằng tiền mặt hoặc chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng; thời gian trả nợ vào ngày 28 hàng tháng kể từ ngày 28/4/2022 cho đến khi trả nợ xong. Trường hợp, bà Bùi Thị T vi phạm thỏa thuận trả nợ này thì ông Trần Trí X và bà Nguyễn Thị V có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân

sự huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận buộc bà Bùi Thị T phải thi hành án theo pháp luật, đồng thời bà Bùi Thị T phải chịu lãi suất chậm thi hành án.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Về án phí:

Bà Bùi Thị T thuộc trường hợp được giảm nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do đó, bà Bùi Thị Thủy chịu 9.750.000 (chín triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Hàm Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Nam;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phương